

Thứ tư, ngày 30 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giăng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/10/2020		•	
Tuần 28/9-2/10/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có một phiên giăng co và có lúc kiểm tra lại khu vực 900 điểm nhưng đã bật lại từ mốc này trong phiên chiều và đóng cửa với mức tăng nhẹ. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện với 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường suy giảm so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tương đối cân bằng cho thấy diễn biến hiện tại chưa nghiêng hẳn về bên mua hay phe bán. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex sẽ tiếp tục duy trì trạng thái giăng co trong các phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/9/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.3%

Phân tích kỹ thuật: CTD_Xác lập vùng đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.23** điểm, đóng cửa **905.21**. HNX-Index **+1.19** điểm, đóng cửa **132.93**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.66)**; **VIC (+0.49)**; **STB (+0.24)**; **MSN (+0.2)**; **BID (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LGC (-0.21)**; **BCM (-0.2)**; **SAB (-0.16)**; **VNM (-0.15)**; **BHN (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,516 tỷ đồng**, **-28.87%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 6.56 điểm. Thị trường có **222** mã tăng, 75 mã tham chiếu và **175** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-249.85** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-87.5 tỷ)**, **VNM (-53.3 tỷ)** và **VHM (-37.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.57 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **905.21**

Giá trị: 5516.91 tỷ **1.23 (0.14%)**

Khối ngoại (ròng): -249.85 tỷ

HNX-INDEX **132.93**

Giá trị: 737.04 tỷ **1.19 (0.9%)**

Khối ngoại (ròng): -8.57 tỷ

UPCOM-INDEX **61.73**

Giá trị: 0.5 tỷ **0.21 (0.34%)**

Khối ngoại(ròng): 6.14 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.2	-0.25%
Giá vàng	1,885	-0.70%
Tỷ giá USD/VND	23,184	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,260	0.52%
Tỷ giá JPY/VND	21,934	0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	37.50%
LS TPCP 5 năm	1.4%	5.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	14.9	HPG	87.5
HSG	11.5	VNM	53.3
STB	9.6	VHM	37.6
HDB	6.1	VIC	28.6
SSI	5.4	VPB	24.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	21/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	2.3%	1.9%	7.1%	22.9%	22.9%	6.3%	31.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.7%	0.3%	4.5%	20.4%	20.4%	21.3%	30.3%
Xây dựng	1.7%	0.2%	7.4%	22.6%	22.6%	13.3%	31.2%
Vật liệu Xây dựng	1.5%	1.7%	7.0%	20.0%	20.0%	17.2%	29.2%
Lãi suất giảm	1.4%	1.3%	10.1%	23.3%	23.3%	19.5%	33.0%
Stay-at-home	1.2%	1.8%	6.8%	21.0%	21.0%	26.5%	34.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.9%	-0.3%	1.0%	15.2%	15.2%	2.0%	25.5%
Corona Avengers	0.8%	1.3%	7.5%	16.8%	16.8%	12.5%	35.8%
Hàng tiêu dùng	0.6%	1.5%	6.5%	18.3%	18.3%	8.5%	30.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	0.8%	6.4%	13.8%	13.8%	1.3%	32.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	0.9%	5.8%	16.8%	16.8%	3.8%	28.1%
VN FinSelect	0.4%	0.8%	6.2%	13.2%	13.2%	1.0%	30.6%
Đầu tư công	0.4%	1.2%	8.4%	24.9%	24.9%	17.8%	27.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	0.7%	5.1%	15.4%	15.4%	1.2%	28.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	0.5%	5.3%	17.7%	17.7%	-0.4%	30.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.6%	7.7%	19.0%	19.0%	21.6%	22.0%
VN Diamond	0.3%	0.7%	4.9%	15.1%	15.1%	-5.3%	31.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	0.1%	3.1%	9.3%	9.3%	-5.4%	25.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	0.5%	4.8%	15.5%	15.5%	-7.3%	33.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	1.4%	8.0%	17.7%	17.7%	10.5%	30.9%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	-1.2%	1.5%	14.2%	14.2%	4.6%	22.2%
Ngân Hàng	0.1%	1.0%	6.6%	20.9%	20.9%	10.4%	34.3%
FTSE Việt Nam	0.1%	0.6%	3.9%	9.2%	9.2%	-2.5%	25.9%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-1.0%	3.1%	16.0%	16.0%	4.3%	26.7%
Dầu khí	-0.4%	-0.1%	4.0%	12.5%	12.5%	-14.0%	40.1%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	1.0%	1.6%	8.9%	21.0%	21.0%	4.6%	28.7%
S32	0.7%	1.4%	6.8%	16.6%	16.6%	-5.5%	34.7%
M31	0.6%	2.1%	5.6%	18.7%	18.7%	3.1%	31.6%
L22	0.5%	1.3%	7.9%	19.5%	19.5%	1.4%	28.8%
S11	0.3%	1.3%	6.3%	17.5%	17.5%	16.6%	26.7%
L32	0.2%	0.7%	6.0%	14.7%	14.7%	-7.5%	31.7%
L11	0.1%	1.0%	5.1%	15.5%	15.5%	2.5%	25.4%
M12	0.0%	-0.7%	3.2%	11.9%	11.9%	-0.2%	26.4%
M22	-0.2%	0.0%	3.9%	13.8%	13.8%	7.8%	26.8%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.9%	1.3%	6.0%	15.7%	15.7%	0.3%	29.5%
LOW1	0.5%	0.8%	4.9%	11.5%	11.5%	0.0%	26.5%
MID1	0.3%	0.7%	6.3%	20.1%	20.1%	15.9%	26.5%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	-0.3%	2.7%	9.7%	9.7%	-5.8%	25.2%
VN30INDEX	0.3%	0.4%	4.2%	11.4%	11.4%	-2.3%	26.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	21	4	23	2	23	2
Mục tiêu	9	6	3	8	1	9	0
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 30/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.10	-0.48%	-2.10%	-9.70%	-22.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.77	-0.63%	-2.40%	-10.00%	-26.96%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	118.40	-1.47%	0.20%	-5.00%	-19.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1894.67	-0.18%	1.70%	-3.70%	26.89%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.08	-0.44%	5.70%	-14.40%	36.40%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	991.50	-0.15%	-2.30%	4.30%	3.23%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	549.75	0.05%	0.10%	0.20%	2.90%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.26	-0.05%	4.40%	9.20%	11.39%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.09	-0.05%	3.10%	2.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.42	2.84%	0.10%	0.20%	-0.74%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.55	0.00%	-1.00%	-10.50%	-3.82%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6579.00	0.11%	-3.00%	-0.60%	15.71%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	522.67	1.21%	0.80%	-4.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1783.00	0.45%	0.40%	0.10%	2.47%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.65	3.19%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.50	2.06%	3.90%	12.50%	-16.72%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11 giảm 1.4 USD hay 3.3% xuống 41.03 USD/thùng. Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 3.1% xuống 41.56 USD/thùng. Dầu thô WTI giảm 1.31 USD hay 3.2% xuống 39.29 USD/thùng. Thành phố New York sẽ áp đặt tiền phạt với người từ chối đeo khẩu trang khi tỷ lệ xét nghiệm dương tính với virus corona lần đầu tiên trong nhiều tháng tăng trên 3%.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.9% lên 1,896.96 USD/once. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 1.1% lên 1,903.2 USD/ounce. Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi trong ngày 29/9 cho biết bà hy vọng có một thỏa thuận cứu trợ với Nhà trắng trong tuần này, sau khi nói chuyện với Bộ trưởng Tài chính Steve Mnuchin. USD giảm 0.4% so với rổ các đồng tiền chính, khi thị trường đợi cuộc tranh luận tổng thống đầu tiên giữa Tổng thống Donald Trump và ứng cử viên Đảng Dân chủ Joe Biden.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.4% lên 780.5 CNY (114.47 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 1.1% lên 115.75 USD/tấn, tiếp tục tăng phiên thứ 4 liên tiếp. Việc dừng hoạt động tại nhà máy tuyển quặng Viga của Vale tuân theo lệnh của tòa án sẽ làm giảm sản lượng quặng sắt 11,000 tấn mỗi ngày. Các nhà chiến lược hàng hóa tại ING cho biết việc gián đoạn nguồn cung có thể hỗ trợ trong ngắn hạn với thị trường này (giá đã giảm từ mức cao 6 năm đã chạm tới trong tháng).
• Thép thanh dùng trong xây dựng trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0.1%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.2%.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 2.5 JPY, hay 1.3% xuống 186.5 JPY/kg.
• WB cho biết đại dịch Covid-19 dự báo gây ra tăng trưởng kinh tế ở mức thấp nhất trong hơn 50 năm tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương cũng như Trung Quốc, khoảng 38 triệu người phải đối mặt với tình trạng tái nghèo. Ngân hàng này cũng cho biết tăng trưởng tại khu vực này có thể chỉ 0.9%, tốc độ thấp nhất kể từ năm 1967.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 duy trì tại 1.0955 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 23 USD hay 1.7% xuống 1,304 USD/tấn. Dự trữ tăng vọt tại Brazil sau một vụ thu hoạch lớn đang gây sức ép cho giá cà phê, mặc dù các báo cáo cho biết mưa gần đây tại nước này thấp hơn mong đợi.
• Đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.4 US cent hay 3.2% lên 12.99 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 4.9 USD hay 1.3% lên 371.9 USD/tấn.

	30/9	% 30/9	29/9	% 29/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	905.21	0.14%	903.98	-0.93%	-0.80%	2.98%
S&P 500			3335.47	-0.48%	0.60%	-4.28%
HĐTL S&P500	3307.00	-0.80%	3333.75	-0.37%	2.34%	-5.35%
Shang- hai	3218.05	-0.20%	3224.36	0.21%	-1.88%	-5.23%
Euro Stoxx	3190.59	-0.74%	3214.30	-0.28%	0.33%	-2.50%

Phân tích kỹ thuật

CTD_Xác lập vùng đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, Xu hướng tăng.

Nhận định: CTD đang có dấu hiệu xác lập ngưỡng đáy sau khi điều chỉnh về gần ngưỡng hỗ trợ 65.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo MACD đang cho thấy dấu hiệu điều chỉnh trong khi chỉ báo RSI đang chot thấy dấu hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu đang nằm dưới dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn chưa hình thành. Như vậy, nhà đầu tư dài hạn có thể mở vị thế cổ phiếu tại vùng giá 65-70.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 80.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 65.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x. Giả định: Giá trị hợp đồng ký mới 2020 là 13,365 tỷ đồng (-40% YoY) và giá trị hợp đồng chuyển tiếp 2020 là 17,413 tỷ đồng (-20% YoY), biên lợi nhuận gộp của mảng xây dựng CTD sẽ ở mức thấp là 4.4-4.8% do việc cạnh tranh gay gắt trong ngành xây dựng. Chúng tôi kỳ vọng tình hình ngành BĐS và xây dựng dân dụng sẽ phục hồi lại vào năm 2021 nhờ sửa đổi pháp lý và tháo gỡ phê duyệt dự án trong năm sau, cũng như việc đồng lòng của các cổ đông lớn sẽ tạo động lực tăng trưởng mới cho CTD.

Cập nhật KQKD

Sau ĐHCĐ, Ban quản trị mới của CTD đang thêm vào 2 thành viên mới là Mr. Bolat - CEO Quỹ Kustocem và Mr. Hove – CEO Quỹ The8th Pre Ltd cho giai đoạn 2017-2022 và miễn nhiệm 2 TVHĐQT là Nguyễn Sỹ Công (đương nhiệm CEO CTD) và Trần Quyết Thắng. Qua đó, BSC đánh giá tình hình nội chiến của các cổ đông đã tạm gác lại và Chủ tịch Nguyễn Bá Dương và HĐQT mới của CTD sẽ quyết tâm hồi phục lại CTD vượt qua khó khăn và phát triển trong tương lai.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express CTD 2020Q3**

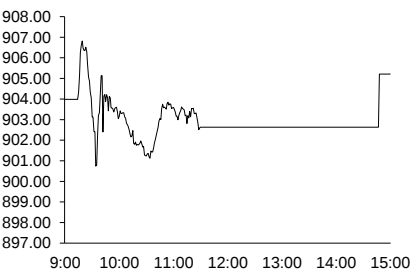
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.28%
Công nghệ Thông tin	-2.01%
Dầu khí	-1.94%
Bảo hiểm	-1.52%
Ngân hàng	-1.47%
Bất động sản	-0.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.79%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.77%
Du lịch và Giải trí	-0.52%
Tài nguyên Cơ bản	-0.19%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.04%
Dịch vụ tài chính	0.17%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.25%
Xây dựng và Vật liệu	0.65%
Thực phẩm và đồ uống	0.75%
Bán lẻ	0.80%
Hóa chất	1.28%
Ô tô và phụ tùng	2.49%

Hình 1

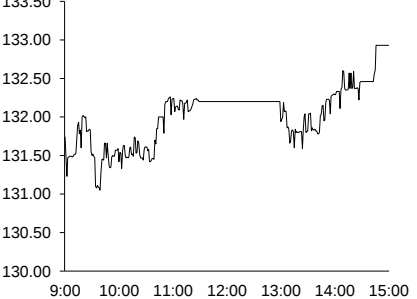
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

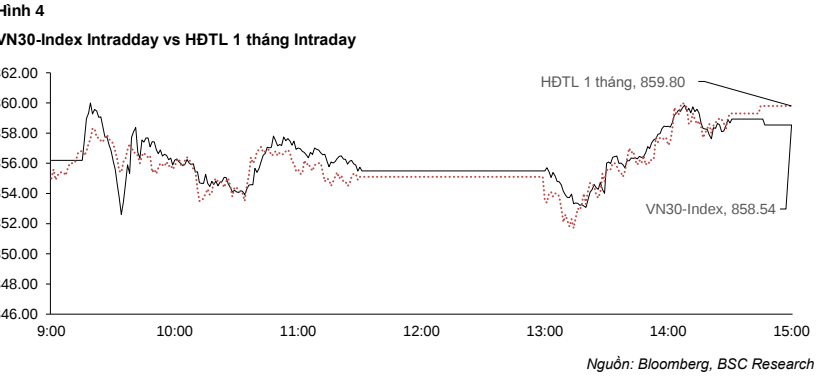
Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108.9	1	-0.27%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.3	2	-1.35%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.6	5	2.20%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	79.5	6	-1.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	84.1	7	-1.52%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.55	8	0.87%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.2	9	2.53%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.1	12	0.00%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	55.1	13	3.38%	Có thể tiếp tục mua
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.6	14	5.43%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.45	16	1.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.9	19	3.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.95	20	0.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	19.6	21	5.09%	Có thể tiếp tục mua
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.15	22	1.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/4/2020	VCS	67	76	60	73.2	26	9.25%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.1	27	3.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.6	30	1.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.75	33	0.64%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.7	34	5.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	111.5	44	13.31%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	22.5	50	15.09%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.2	51	-2.70%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.98	55	21.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	69.2	58	2.59%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.45	91	5.08%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35	98	14.04%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.5	106	0.80%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/1/2020	VGTT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
Chú thích: Thống kê 5 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân	
Cổ phiếu chưa chốt	23	5	5.20%	-1.56%	3.99%	31	
Cổ phiếu đã chốt	32	21	11.27%	-9.52%	3.03%	23	

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	859.80	0.67%	1.26	30.9%	158,810	10/15/2020	17
VN30F2011	856.10	0.30%	-2.44	42.8%	574	11/19/2020	52
VN30F2012	854.00	0.48%	-4.54	47.3%	305	12/17/2020	80
VN30F2103	851.60	0.42%	-6.94	-50.5%	159	3/18/2021	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.34 điểm, lên mức 858.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, MSN, MWG, NVL, VJC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 855 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 855-865 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2009	12/18/2020	79	1:1	282,750	45.40%	1,650	3,250	6.56%	3,166	1.03	12,550	10,900	13,550
CSTB2004	11/30/2020	61	1:1	367,870	45.40%	1,400	2,800	5.66%	2,998	0.93	12,400	11,000	13,550
CSTB2008	11/20/2020	51	1:1	147,900	45.40%	1,500	3,400	3.03%	3,695	0.92	11,700	10,200	13,550
CMWG2010	1/14/2021	106	10:1	107,850	42.03%	1,400	2,620	2.75%	2,478	1.06	96,000	82,000	104,500
CMWG2012	2/8/2021	131	5:1	252,120	42.03%	4,390	5,700	1.79%	5,429	1.05	101,950	80,000	104,500
CHPG2008	11/30/2020	61	1:1	92,000	38.08%	4,100	5,110	0.00%	1,080	4.73	32,100	28,000	26,350
CHPG2015	3/1/2021	152	1:1	110,330	38.08%	6,700	7,570	-0.53%	2,776	2.73	33,200	26,500	26,350
CMBB2006	10/29/2020	29	2:1	63,000	36.54%	1,100	1,670	-0.60%	1,670	1.00	18,700	16,500	19,650
CHPG2019	12/18/2020	79	2:1	198,660	38.08%	1,630	1,860	-1.59%	1,664	1.12	27,360	24,100	26,350
CHPG2016	1/14/2021	106	2:1	117,630	38.08%	2,200	3,230	-2.12%	922	3.50	31,900	27,500	26,350
CDPM2002	12/16/2020	77	1:1	69,690	43.65%	1,700	4,460	-2.62%	3,080	1.45	16,952	15,252	17,650
CHDB2007	4/27/2021	209	5:1	361,300	40.36%	1,300	1,330	-2.92%	1,215	1.09	34,272	27,772	31,450
CSTB2006	4/5/2021	187	2:1	199,100	45.40%	1,500	1,330	-2.92%	1,191	1.12	15,888	12,888	13,550
CHPG2018	5/14/2021	226	4:1	729,620	38.08%	1,200	820	-3.53%	529	1.55	34,799	29,999	26,350
CVPB2009	11/20/2020	51	2:1	307,700	46.30%	1,630	2,170	-3.56%	2,007	1.08	23,460	20,200	23,600
CHPG2010	4/5/2021	187	4:1	314,310	38.08%	1,800	1,270	-3.79%	264	4.81	40,300	33,100	26,350
CVRE2009	4/27/2021	209	5:1	386,710	44.60%	1,400	750	-3.85%	603	1.24	37,999	30,999	27,400
CVRE2010	2/18/2021	141	4:1	518,060	44.60%	1,100	740	-5.13%	576	1.29	34,399	29,999	27,400
CVPB2006	11/30/2020	61	1:1	224,340	46.30%	3,400	1,550	-6.06%	1,763	0.88	27,400	24,000	23,600
CVPB2007	10/29/2020	29	2:1	1,101,400	46.30%	1,700	990	-7.48%	992	1.00	25,900	22,500	23,600
Tổng				4,850,940	41.92%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/9/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CVRE2005 và CSTB2004 tăng mạnh lần lượt là 13.66% và 13.58%. Trái lại, CSBT2007 và CTCB2006 giảm mạnh lần lượt là -28.28% và -9.20%. Giá trị giao dịch giảm -24.88%. CSTB2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.92% thị trường.
- CVPB2006, CMBB2005, CTCB2006, CMWG2009, và CSTB2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CDPM2002, và CSTB2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CSTB2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	104.5	1.0%	1.2	2,057	2.7	8,348	12.5	3.3	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	60.9	0.2%	1.3	596	0.7	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	48.2	0.4%	1.4	1,556	0.5	1,625	29.7	1.8	28.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.9	-0.3%	0.3	291	0.0	2,651	11.3	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	91.8	0.3%	0.8	13,500	0.7	2,336	39.3	3.7	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.4	-0.2%	1.1	2,707	1.0	1,057	25.9	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	75.3	0.0%	1.3	10,770	2.3	6,686	11.3	3.6	22.1%	36.5%
DXG	Bất động sản	10.1	0.5%	1.4	228	0.9	658	15.4	0.8	34.6%	2.9%
SSI	Chứng khoán	16.8	0.0%	1.3	438	1.5	1,718	9.8	1.0	49.8%	10.7%
VCI	Chứng khoán	28.5	-0.5%	1.0	205	0.2	4,110	6.9	1.3	28.8%	18.7%
HCM	Chứng khoán	20.9	0.5%	1.7	277	1.4	1,608	13.0	1.5	49.4%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.0	-0.4%	0.8	1,704	3.1	4,280	11.7	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.6	-0.8%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.5	0.0%	1.4	5,950	0.6	5,169	13.8	2.6	3.2%	20.5%
PLX	Dầu khí	50.5	-0.2%	1.5	2,676	0.3	867	58.2	3.0	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.6	0.7%	1.5	283	2.9	1,339	10.2	0.5	10.0%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.1	-2.7%	0.8	957	0.5	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.8	-0.1%	0.5	601	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.7	2.3%	0.4	300	2.0	1,700	10.4	0.9	12.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	12.0	2.1%	0.5	275	1.4	709	16.9	1.0	1.9%	5.8%
VCB	Ngân hàng	84.1	-0.6%	1.1	13,562	1.2	4,915	17.1	3.5	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.7	0.1%	1.3	7,117	1.0	2,132	19.1	2.1	17.5%	12.3%
CTG	Ngân hàng	26.5	-0.6%	1.2	4,282	3.3	2,995	8.8	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.6	-0.6%	1.2	2,501	3.2	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	19.7	0.0%	1.0	2,060	2.4	3,497	5.6	1.1	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	22.5	0.4%	1.0	2,115	3.5	2,884	7.8	1.6	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	59.7	0.7%	0.9	212	0.2	5,781	10.3	2.0	82.1%	19.5%
NTP	Nhựa	32.7	-1.8%	0.4	167	0.0	3,348	9.8	1.5	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	16.0	0.0%	0.3	688	0.0	356	44.9	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.4	0.0%	1.2	3,796	8.1	2,632	10.0	1.7	34.2%	18.1%
HSG	Thép	15.6	2.6%	1.5	301	7.4	1,767	8.8	1.1	10.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	109.1	-0.1%	0.8	9,912	3.8	4,615	23.6	7.6	58.4%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	184.0	-0.5%	0.8	5,130	0.5	6,328	29.1	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.0	0.7%	1.0	2,758	1.0	3,255	16.6	2.7	38.1%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.7	-0.3%	0.8	374	1.0	561	26.1	1.2	5.5%	5.1%
ACV	Vận tải	66.9	0.9%	0.8	6,332	0.8	3,450	19.4	4.0	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	104.1	0.1%	1.1	2,371	1.0	3,480	29.9	3.6	17.6%	12.3%
HVN	Vận tải	26.7	-0.2%	1.7	1,646	0.2	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.6	0.2%	0.9	304	0.2	1,381	17.1	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	13.3	-1.5%	1.2	163	0.5	2,076	6.4	0.8	19.9%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.2	9.9%	1.0	494	4.4	8,104	9.0	3.4	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.3	-0.4%	0.8	454	0.0	1,363	17.1	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-0.3%	1.0	258	0.3	1,937	8.0	1.1	6.0%	13.5%
CTD	Xây dựng	68.2	1.8%	1.1	226	2.6	8,453	8.1	0.6	46.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.1	0.0%	0.3	187	0.4	1,562	11.6	0.8	35.1%	7.6%
REE	Điện	40.0	0.1%	-1.4	539	0.5	4,780	8.4	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	21.2	0.0%	-0.4	147	0.1	2,176	9.7	0.9	14.7%	9.9%
POW	Điện	10.2	0.5%	0.6	1,039	1.1	933	10.9	0.9	10.7%	8.1%
NT2	Điện	23.2	-0.2%	0.6	290	0.1	2,685	8.6	1.5	19.0%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.1	1.1%	0.8	288	0.9	1,156	12.2	0.7	18.7%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	39.8	-2%	1.0	1,791	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.7% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	91.80	0.33	0.29	168230
STB	13.55	1.88	0.13	21.08MLN
MSN	54.00	0.75	0.13	418660.00
MWG	104.50	0.97	0.13	601050
TPB	23.60	1.29	0.07	2.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.52	328000	1.11MLN
BCM	0.00	-0.23	19210	607060
LGC	-0.01	-0.23	70.00	373600
SAB	0.00	-0.18	65070.00	192700
BHN	0.00	-0.16	430	611640

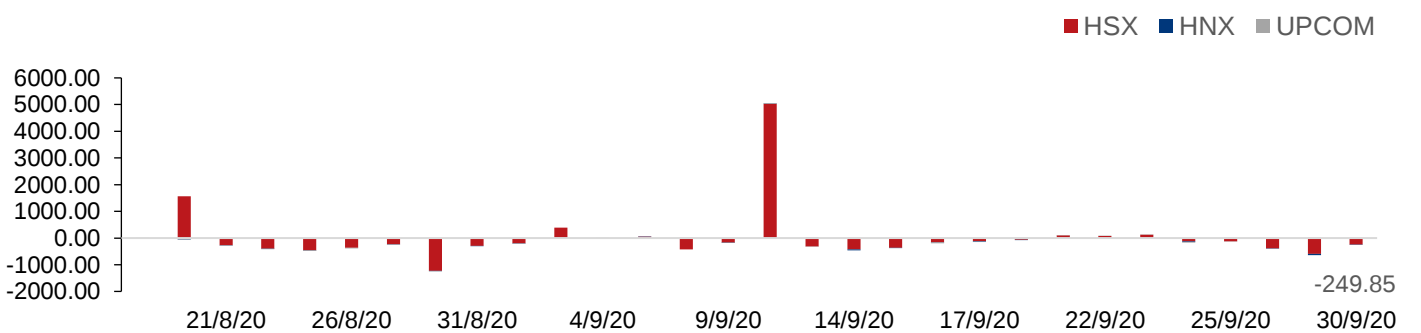
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASG	47.05	6.93	0.05	73800.00
L10	17.05	6.90	0.00	20
SVT	13.25	6.85	0.00	100
PGC	19.75	6.76	0.02	24790
VDS	7.20	5.88	0.01	7950

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	55.90	-6.99	-0.23	70
PIT	4.80	-6.98	0.00	3210
VAF	8.84	-6.95	-0.01	10.00
DAT	32.85	-6.94	-0.03	4590
TNC	27.50	-6.78	-0.01	20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	104.5	8,348	12.5	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.0	885	9.0	0.6	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.7	5,512	7.9	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.2	1,944	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	25.8	3,024	8.5	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.6	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.3	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.0	3,255	16.6	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.8	4,670	9.0	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.6	1,767	8.8	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.2	5,479	7.9	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	25.7	2,103	12.2	2.1	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.5	3,103	7.2	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	60.9	4,629	13.2	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	111.5	4,105	27.2	9.6	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.1	658	15.4	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.7	1,721	13.2	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.6	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.2	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	54.4	4,739	11.5	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	84.1	4,915	17.1	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	22.5	2,884	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.7	5,512	7.9	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.8	5,872	9.7	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.0	4,280	11.7	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.6	1,381	17.1	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.1	1,156	12.2	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	184.0	6,328	29.1	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.2	1,944	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	109.1	4,615	23.6	7.6	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.1	1,407	8.6	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	104.5	8,348	12.5	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.3	2,088	9.7	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.8	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.3	2,076	6.4	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	60.9	4,629	13.2	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.6	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	203.7	14,782	13.8	5.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639